TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **Thành phố Hồ Chí Minh**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/LĐ-ST
Ngày: 03-7-2018
V/v tranh chấp tiền trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Lan

2. Bà Phạm Thị Kim Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quí – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thu Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số*:* 13/2017/TLST- LĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp tiền trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2018/QĐXXST-LĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 117/2018/QĐST-HPT ngày 08 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đặng Quốc Đ, sinh năm: 1968; địa chỉ: 281/26/9 đường S, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh(có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Kinh doanh thiết bị CN; địa chỉ: 467 đường T, phường N, quận X, Thành phố Hà Nội (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: ông Vũ Việt K, sinh năm: 1955, chức danh: Giám đốc, Tổng Giám đốc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/10/2017, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn ông Đặng Quốc Đ trình bày: Ông vào làm việc tại Nhà máy quy chế II thuộc Công ty Cổ phần Kinh doanh thiết bị CN từ ngày 01/8/1988 đến ngày 08/8/2017 hợp đồng không xác định thời hạn. Trong thời gian làm việc tại nhà máy Quy chế II ông đã chấp hành tốt nội quy, quy chế của công ty. Do sức khỏe không đảm bảo nên ông đã làm đơn xin nghỉ việc và được

Nhà máy quy chế II chấp nhận. Vào ngày 07/8/2017 thì Nhà máy Quy chế II thuộc Công ty cổ phần kinh doanh thiết bị CN đã ban hành Quyết định số 315/QĐ-HCNS ngày 07/8/2017 chấp thuận cho ông được thôi việc kể từ ngày 08/8/2017. Tuy nhiên, từ khi ông thôi việc tại Nhà máy Quy chế II cho đến nay thì Công ty Cổ phần kinh doanh thiết bị CN chưa thanh toán cho ông tiền trợ cấp thôi việc từ ngày 01/8/1988 đến ngày 31/12/2008. Nay ông khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần kinh doanh thiết bị CN phải trả cho ông tiền trợ cấp thôi việc từ ngày 01/8/1988 đến ngày 31/12/2008 với mức lương là 5.812.500 đồng/tháng theo quy định của pháp luật. Thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai đề ngày 26/4/2018 bị đơn Công ty cổ phần kinh doanh thiết bị CN do bà Vũ Thu H đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền số 170/UQ-KDTBCN ngày 20/4/2018) trình bày:

Ông Đặng Quốc Đ vào làm việc tại Nhà máy quy chế II – Công ty Cổ phần kinh doanh thiết bị CN từ ngày 15/8/1988. Trong quá trình làm việc tại Nhà máy ông Đ không vi phạm nội quy, quy định của Nhà máy. Ông Đ xin nghỉ việc vì lý do cá nhân và Nhà máy có quyết định cho ông Đ nghỉ thôi việc từ ngày 08/8/2017. Trong quá trình ông Đ làm việc tại Nhà máy, Nhà máy đã thực hiện đóng Bảo hiểm xã hội đầy đủ cho ông Đ đến hết tháng 7/2017.

Từ nhiều năm nay Nhà máy Quy chế II đảm bảo đủ việc làm cho cán bộ công nhân và không có chủ trương giảm lao động tại Nhà máy. Nhà máy không có nguồn tiền chi trả các khoản trợ cấp theo yêu cầu do sản xuất cơ khí lợi nhuận không cao. Mặt khác, Nhà máy phải chuẩn bị di dời cơ sở tại 658 đường C theo quy hoạch của Thành phố để lấy đất làm trường học nên ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí của Nhà máy. Công ty và Nhà máy mong người lao động chia sẻ cùng doanh nghiệp trong lúc khó khăn do bị Nhà nước thu hồi đất của Nhà máy Quy chế II để làm dự án trường học.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Ông Đặng Quốc Đ vào làm việc tại Nhà máy Quy chế II thuộc Công ty Cổ phần kinh doanh thiết bị CN từ ngày 01/8/1988 đến ngày 07/8/2017. Ngày 07/8/2018 Nhà máy Quy chế II thuộc Công ty cổ phần kinh doanh thiết bị CN đã ban hành Quyết định số 315/QĐ-HCNS chấp thuận cho ông được thôi việc kể từ ngày 08/8/2017. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần kinh doanh thiết bị CN chưa chi trả tiền trợ cấp thôi việc cho ông Đ từ ngày 01/8/1988 đến ngày 31/12/2008 là đã vi phạm các quy định của Bộ luật lao động. Nay ông Đặng Quốc Đ khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần kinh doanh thiết bị CN trả tiền trợ cấp thôi việc cho ông từ ngày 01/8/1988 đến ngày

31/12/2008 theo quy định của pháp luật là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Ông Đặng Quốc Đ khởi kiện Công ty Cổ phần kinh doanh thiết bị CN về tranh chấp tiền trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động. Đây là tranh chấp về lao động theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Công ty cổ phần kinh doanh thiết bị CN đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay lần thứ hai Công ty Cổ phần kinh doanh thiết bị CN vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Hội đồng xét xử xét thấy, vào ngày 01/8/1988 ông Đặng Quốc Đ vào làm việc tại Nhà máy quy chế II thuộc Công ty Cổ phần kinh doanh thiết bị CN. Vào ngày 19/4/1990 thì ông Đặng Quốc Đ có ký hợp đồng lao động với Xí nghiệp quy chế II, thời hạn hợp đồng là 01 (một) năm kể từ ngày 26/4/1990 đến ngày 26/4/1991. Sau đó thì hai bên không ký thêm bất kỳ hợp đồng lao động lao động nào khác và ông Đ vẫn tiếp tục làm việc tại Nhà máy Quy chế II cho đến khi thôi việc vào ngày 08/8/2017. Như vậy, giữa ông Đặng Quốc Đ và Công ty Cổ phần kinh doanh thiết bị CN – Nhà máy quy chế II đã xác lập hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

Do sức khỏe không đảm bảo nên ông Đ đã làm đơn xin thôi việc tại Nhà máy Quy chế II. Tại Quyết định số 315/QĐ-HCNS ngày 07/8/2017 thì Nhà máy Quy chế II thuộc Công ty Cổ phần kinh doanh thiết bị CN đã quyết định đồng ý cho ông Đ thôi việc kể từ ngày 08/8/2017, đồng thời Nhà máy cũng đã đóng đầy đủ tiền bảo hiểm xã hội cho ông Đ đến tháng 7/2017. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Kinh doanh thiết bị CN chưa chi trả trợ cấp thôi việc cho ông Đ từ ngày 01/8/1988 đến ngày 31/12/2008.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật lao động 2012 quy định: *" Khi hợp đồng lao động chấm dứt theo quy định tại các khoản 1,2,3,5,6,7,9 và 10 Điều 36 của bộ luật này thì người lao động có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên, mỗi năm làm việc được trợ cấp một nửa tháng tiền lương"*

Do vậy, nay ông Đ khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Kinh doanh thiết bị CN trả trợ cấp thôi việc cho ông Đ từ ngày 01/8/1988 đến ngày 31/12/2008 là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Bộ luật lao động năm 2012 quy định *" Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động*

đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp….”. Tại Quyết định số 315/QĐ-HCNS ngày 07/8/2017 thể hiện ông Đặng Quốc Đ vào làm việc tại Nhà máy quy chế II từ ngày 01/8/1988 đến ngày 07/8/2017. Như vậy, thời gian ông Đ làm việc tại Nhà máy Quy chế II là 29 năm. Căn cứ vào sổ bảo hiểm xã hội thì từ ngày 01/01/2009 thì ông Đ đã tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội. Thời gian ông Đ làm việc để được tính trợ cấp thôi việc là từ ngày 01/8/1988 đến ngày 31/12/2008 là 20 năm 04 tháng. Theo quy định tạo điểm c khoản 3 điều 14 của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động thì: “ *thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm của người lao động được tính theo năm (đủ 12 tháng), trường hợp có tháng lẻ thì từ đủ 01 tháng đến dưới 06 tháng được tính bằng ½ năm…*”. Như vậy, thời gian ông Đặng Quốc Đ được tính trợ cấp thôi việc là 20,5 năm.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Bộ luật lao động năm 2012 quy định: *“ Tiền lương để tính trợ cấp thôi việc là tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động của 06 tháng liền kề trước khi người lao động thôi việc”*. Căn cứ vào Sổ bảo hiểm xã hội thì từ tháng 01/2017 đến tháng 07/2017 thì mức lương của ông Đ làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội là: 5.812.500 đồng/ tháng. Đồng thời tại Quyết định cho thôi việc số 315/QĐ-HCSN ngày 07/8/2017 của Nhà máy quy chế II cũng thể hiện mức lương của ông Đặng Quốc Đ là: bậc 6/7 – 5.812.500 đồng/ tháng.

Số tiền trợ cấp thôi việc ông Đặng Quốc Đ được nhận là:

20,5 năm x 5.812.500 đồng/ tháng x ½ = 59.578.125đ (Năm mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi tám ngàn, một trăm hai mươi lăm đồng)

Như vậy, buộc Công ty cổ phần kinh doanh thiết bị CN có trách nhiệm trả tiền trợ cấp thôi việc cho ông Đặng Quốc Đ với số tiền là: 59.578.125đ (Năm mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi tám ngàn, một trăm hai mươi lăm đồng) làm một lần kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty Cổ phần Kinh doanh thiết bị CN phải nộp án phí là: 59.578.125đ x 3% = 1.787.343đ (Một triệu bảy trăm tám mươi bảy ngàn ba trăm bốn mươi ba đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 48 Bộ luật lao động 2012; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định 05/2015//NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Quốc Đ

- Buộc Công ty Cổ phần kinh doanh thiết bị CN thanh toán tiền trợ cấp thôi việc từ ngày 01/8/1988 đến ngày 31/12/2008 cho ông Đặng Quốc Đ với số tiền là: 59.578.125đ (Năm mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi tám ngàn, một trăm hai mươi lăm đồng)

- Thời gian thanh toán làm một lần kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Đặng Quốc Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty Cổ phần kinh doanh thiết bị CN không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền nêu trên thì Công ty Cổ phần kinh doanh thiết bị CN còn phải trả cho ông Đ khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2/ Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty Cổ phần kinh doanh thiết bị CN phải nộp án phí là 1.787.343đ (Một triệu bảy trăm tám mươi bảy ngàn ba trăm bốn mươi ba đồng)

3/ Về quyền kháng cáo: Ông Đặng Quốc Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty Cổ phần kinh doanh thiết bị CN được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn